



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

Ôn tập số và phép tính đến 100 000 · sách Kết nối tri thức



Tuần 1

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

44 000

44 300

44 400

44 500

Bài 2: Tính nhẩm

$90\,000 - 18\,000 = \square$

$30\,000 : 2 = \square$

$45\,000 : 3 = \square$

$90\,000 : 5 = \square$

$19\,000 \times 4 = \square$

$50\,000 - 19\,000 = \square$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$36\,967 + 46\,590$

$76\,701 - 59\,198$

$5\,388 \times 3$

$5\,528 : 2$

Bài 4: Điền dấu >, <, =

$21\,288 \square 21\,488$

$17\,825 \square 17\,825$

$63\,454 \square 59\,454$

$39\,333 \square 39\,333$

$25\,146 \square 25\,151$

$70\,848 \square 70\,798$

Bài 5: Giải bài toán

1. Tháng Một một nhà máy may được 24 650 chiếc áo, tháng Hai may được ít hơn tháng Một 3 280 chiếc áo. Hỏi cả hai tháng nhà máy may được bao nhiêu chiếc áo?



2. Mỗi thùng có 1 250 quyển vở. Hỏi 4 thùng như thế có bao nhiêu quyển vở?



ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 1

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống

44 000 44 100 44 200 44 300 44 400 44 500 44 600

Bài 2: Tính nhẩm

$90\,000 - 18\,000 = 72\,000$ $30\,000 : 2 = 15\,000$ $45\,000 : 3 = 15\,000$ $90\,000 : 5 = 18\,000$
 $19\,000 \times 4 = 76\,000$ $50\,000 - 19\,000 = 31\,000$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$36\,967 + 46\,590 = 83\,557$ $76\,701 - 59\,198 = 17\,503$ $5\,388 \times 3 = 16\,164$ $5\,528 : 2 = 2\,764$

Bài 4: Điền dấu >, <, =

$21\,288 < 21\,488$ $17\,825 = 17\,825$ $63\,454 > 59\,454$ $39\,333 = 39\,333$ $25\,146 < 25\,151$
 $70\,848 > 70\,798$

Bài 5: Giải bài toán

- Số áo tháng Hai may được là: $24\,650 - 3\,280 = 21\,370$ (chiếc áo). Số áo cả hai tháng may được là: $24\,650 + 21\,370 = 46\,020$ (chiếc áo). Đáp số: 46 020 chiếc áo.
- Số quyển vở 4 thùng có là: $1\,250 \times 4 = 5\,000$ (quyển vở). Đáp số: 5 000 quyển vở.

on thi.app/phiếu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5